

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CHUYÊN ĐỔI SỐ CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC NĂM 2023**  
(theo Công văn số 7114/BGDĐT-CNTT ngày 20/12/2023)

Căn cứ Quyết định số 4740/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành bộ tiêu chí đánh giá chuyên đổi số cơ sở giáo dục đại học.

Căn cứ Công văn số 7114/BGDĐT-CNTT ngày 20/12/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đơn đốc triển khai đánh giá chuyên đổi số trong cơ sở giáo dục đại học.

Trường Đại học Bạc Liêu báo cáo kết quả tự đánh giá chuyên đổi số cơ sở giáo dục đại học năm 2023, cụ thể như sau:

**1. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VÀ MINH CHỨNG KÈM THEO**

| STT  | Tiêu chí                                | Điểm tối đa | Điểm thành phần | Đơn vị tự chấm điểm | Mức độ đạt được | Minh chứng   | Ghi chú,                   |
|------|---|-------------|-----------------|---------------------|-----------------|--|----------------------------|
| 1.   | <b>Chuyển đổi số trong đào tạo</b>      | 100         |                 | 53                  |                 |  |                            |
| 1.1. | Có ban hành kế hoạch đào tạo trực tuyến |             |                 |                     | X               | Kế hoạch số 02/KH-ĐHBL ngày 03/01/2023 về việc đào tạo trực tuyến  | Minh chứng số 1.1.02...    |
| 1.2. | Có ban hành quy chế đào tạo trực tuyến  |             |                 |                     | X               | Quyết định số 272-QĐ-ĐHBL- ngày 06/9/2021 Ban hành Quy định Đào tạo trực tuyến tại Trường Đại học Bạc Liêu | Minh chứng số 1.2.1.272... |



| STT  | Tiêu chí   | Điểm tối đa | Điểm thành phần  | Đơn vị tự chấm điểm | Mức độ đạt được | Minh chứng  | Ghi chú,                   |
|------|--|-------------|--|---------------------|-----------------|---|----------------------------|
|      |  |             |  |                     |                 | Quyết định số 286/QĐ-ĐHBL ngày 29/9/2021 về việc Quy định thi trực tuyến của Trường Đại học Bạc Liêu                              | Minh chứng số 1.2.2.286... |
| 1.3. | <p>Triển khai phần mềm đào tạo trực tuyến:</p> <p>- Có triển khai đào tạo trực tuyến trực tiếp (qua phần mềm như Microsoft Teams, Zoom, Google Meet, phần mềm tương đương khác).</p>   | 20          | Tối đa 4 điểm.   | 3                   | Mức độ 2        | Có sử dụng Google Meet trong học trực tuyến: các lớp chính quy và chứng chỉ   |                            |
|      | <p>- Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS) (cung cấp thông tin: Tên giải pháp, tự xây dựng/thuê/mua).</p> <p>Hệ thống LMS/LCMS có triển khai các chức năng:</p> <p>(1) Người học có thể tự học tập, tự đánh giá, nắm bắt được tiến trình, kết quả học tập của bản thân;</p> <p>(2) Cơ sở giáo dục đại học quản lý điểm, tiến trình học tập của người học và các hoạt động của giảng viên, cố vấn học tập trên hệ thống;</p> <p>(3) Cung cấp diễn đàn trao đổi và các công cụ hỗ trợ khác để người học có</p> |             | Tối đa 16 điểm, mỗi chức năng triển khai được tối đa 4 điểm. | 10                  |                 | Có triển khai thuê hệ thống LMS từ Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh<br><a href="http://lms.blu.edu.vn/">http://lms.blu.edu.vn/</a> |                            |

| STT  | Tiêu chí  | Điểm tối đa | Điểm thành phần   | Đơn vị tự chấm điểm | Mức độ đạt được | Minh chứng  | Ghi chú,                  |
|------|---|-------------|---|---------------------|-----------------|---|---------------------------|
|      | thể trao đổi với giảng viên và các phòng ban của cơ sở giáo dục đại học;<br>(4) Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên. .  |             |   |                     |                 |   |                           |
| 1.4. | Số lượng khóa học trực tuyến (đầy đủ thành phần nội dung và hoạt động đào tạo từ đăng ký vào học cho đến hoàn thành một học phần cụ thể) đã được thẩm định và đưa vào đào tạo.  | 20          | <p>- Ít hơn 20 khóa học: tối đa 6 điểm.</p> <p>- Ít hơn 50 khóa học: tối đa 12 điểm.</p> <p>- Có nhiều hơn 50 khóa học: tối đa 20 điểm.</p> | 4                   | Mức độ 1        | Do quy mô đào tạo còn nhỏ, trường mới chỉ thực hiện cho sinh viên học trực tuyến ở một số học phần do chuyên gia ngoài trường giảng dạy và các lớp ngắn hạn   |                           |
| 1.5. | Triển khai hệ thống thư viện điện tử/thư viện số đáp ứng:<br>(1) Số lượng ấn phẩm số đang cung cấp đáp ứng các học phần đào tạo;<br>(2) Số lượng các cơ sở dữ liệu tạp chí chuyên ngành có kết nối và cung cấp truy cập cho sinh viên;<br>(3) Ban hành quy chế quản lý, sử dụng;<br>(4) Số lượng sinh viên thường xuyên sử dụng;<br>(5) Cung cấp chức năng mượn - trả | 20          | Tối đa 20 điểm, đáp ứng mỗi yêu cầu được tối đa 5 điểm.   | 12                  | Mức độ 2        | <p>Hệ thống thư viện điện tử mới chỉ cấp độ truy cập mạng nội bộ <a href="http://thuvien.blu.edu.vn/thu-vien-so">http://thuvien.blu.edu.vn/thu-vien-so</a></p> <p>Số lượng tài liệu số 242044 truy cập link xem danh mục tài liệu <a href="http://thuvien.blu.edu.vn/tai-nguyen">http://thuvien.blu.edu.vn/tai-nguyen</a></p> <p>Quy định số 495/QĐ-ĐHBL ngày 04/7/2022 về sử dụng tài nguyên tại trung tâm Thông tin Thư viện.</p> <p>Số lượng sinh viên bình quân</p> | Minh chứng số 1.5.495.... |

| STT  | Tiêu chí  | Điểm tối đa | Điểm thành phần   | Đơn vị tự chấm điểm | Mức độ đạt được | Minh chứng   | Ghi chú, |
|------|---|-------------|---|---------------------|-----------------|--|----------|
|      | trực tuyến.   |             |   |                     |                 | khai thác sử dụng: 30 lượt sinh viên/ngày  |          |
| 1.6. | Triển khai chuyển đổi số công tác khảo thí:<br>- Tổ chức thi, kiểm tra trên máy tính (trên phòng máy tính nối mạng LAN); ban hành quy chế thi, kiểm tra trên máy tính; tỷ lệ môn học/học phần được tổ chức thi, kiểm tra trên máy tính. | 20          | Tối đa 14 điểm.   | 10                  | Mức độ 2        | Có phần mềm tổ chức thi chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin. Chạy mạng nội bộ                 |          |
|      | - Phần mềm tổ chức thi, kiểm tra trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường.   |             | Tối đa 6 điểm.  | 3                   |                 | Có phần mềm tổ chức thi chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin. Chạy mạng nội bộ                 |          |
| 1.7. | Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số:<br>- Tỷ lệ giảng viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học.  | 10          | <30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 3 điểm; >60%: tối đa 5 điểm. | 4                   | Mức độ 2        | 100% giảng viên sử dụng LMS, Google Meet, các ứng dụng biên soạn bài giảng điện tử trong dạy học |          |
|      | - Tỷ lệ giảng viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử.   |             | <30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 3 điểm; >60%: tối đa 5 điểm. | 3                   |                 | Trên 60% giảng viên biên soạn bài giảng điện tử.   |          |
| 1.8. | Hệ thống hỗ trợ đào tạo trực tuyến:<br>- Có studio phục vụ sản xuất học liệu (studio bao gồm phòng chuyên biệt  | 0/10        | Tối đa 6 điểm, đáp ứng mỗi yêu                                    | 0                   | Mức độ 1        | Hiện nay trường đang tiến hành thi công các dự án cải tiến và phát                               |          |

| STT  | Tiêu chí  | Điểm tối đa | Điểm thành phần            | Đơn vị tự chấm điểm | Mức độ đạt được | Minh chứng  | Ghi chú,                 |
|------|---|-------------|----------------------------|---------------------|-----------------|---|--------------------------|
|      | <p>được lắp đặt các phần mềm và thiết bị CNTT dùng cho việc xây dựng, biên tập và xuất bản học liệu điện tử:</p> <p>(1) Hệ thống studio được vận hành thường xuyên;</p> <p>(2) số lượng học liệu tự sản xuất có chất lượng;</p> <p>(3) giảng viên được sử dụng studio để xây dựng học liệu.</p> |             | <i>được tối đa 2 điểm.</i> |                     |                 | <p>triển cơ sở vật chất. Vì vậy chưa có quỹ phòng riêng để hỗ trợ giảng viên trong việc biên tập và xuất bản học liệu điện tử.</p>  |                          |
|      | - Hệ thống phòng lab, phòng CNTT đa chức năng.  |             | <i>Tối đa 4 điểm.</i>      | 4                   |                 | Thực hiện quản lý 06 phòng máy phục vụ giảng dạy; 01 phòng máy chủ; 01 phòng máy tính Thư viện phục vụ tra cứu, học tập, nghiên cứu   |                          |
| 2.   | <b>Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục đại học</b>  | 100         |                            | 69                  |                 |   |                          |
| 2.1. | Cơ sở giáo dục đại học thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (Thông tin: Họ tên, chức vụ, phòng/ban/khoa, email, điện thoại).   |             |                            |                     | X               | <p>Quyết định số 455/QĐ-ĐHBL ngày 27/6/2022 về việc giao bổ sung nhiệm vụ cho Trung tâm Thông tin Thư viện</p> <p>Thông tin viên chức phụ trách</p> <p>+ Họ và tên: Nguyễn Văn Trọng</p> <p>+ Chức vụ: Phó Giám đốc</p> <p>+ Trung tâm Thông tin Thư viện</p> <p>+ E-Mail: <a href="mailto:nvtrong@blu.edu.vn">nvtrong@blu.edu.vn</a></p> | Minh chứng số 2.1_455... |

| STT  | Tiêu chí  | Điểm tối đa | Điểm thành phần | Đơn vị tự chấm điểm | Mức độ đạt được | Minh chứng   | Ghi chú,  |
|------|---|-------------|-----------------|---------------------|-----------------|--|---|
|      |   |             |                 |                     |                 | + Điện thoại: 0949119599   |   |
| 2.2. | Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số.   |             |                 |                     | X               | <p>Kế hoạch số 28/KH-ĐHBL ngày 05/01/2023 về việc tiếp tục đẩy mạnh Ứng dụng Công nghệ thông tin và nâng cao chỉ số chuyển đổi số tại Trường Đại học Bạc Liêu</p> <p>Kế hoạch 06/KH-TCKH ngày 15/9/2023 của Tổng biên tập Tạp chí Khoa học Trường Đại học Bạc Liêu về chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của Tạp chí Khoa học Trường Đại học Bạc Liêu</p> | <p>Minh chứng số 2.2.1.28...</p> <p>2.2.2.6...</p>                  |
| 2.3. | Ban hành quy chế đảm bảo an toàn thông tin; quy chế quản lý, vận hành, sử dụng các hệ thống công nghệ thông tin trong cơ sở giáo dục đại học. |             |                 |                     | X               | <p>Quyết định số 732/QĐ-ĐHBL ngày 03/11/2022 về việc ban hành Quy định quản lý, sử dụng hộp thư điện tử của Trường Đại học Bạc Liêu.</p> <p>Quyết định số 09/QĐ-ĐHBL ngày 04/01/2023 về Ban hành quy chế quản lý và cung cấp thông tin trên cổng thông tin điện tử của Trường Đại học Bạc Liêu.</p>  | <p>Minh chứng số 2.3.1.732...</p> <p>Minh chứng số 2.3.2.09....</p> |

| STT  | Tiêu chí  | Điểm tối đa | Điểm thành phần | Đơn vị tự chấm điểm | Mức độ đạt được   | Minh chứng  | Ghi chú,                               |
|------|---|-------------|-----------------|---------------------|---|---|--|
| 2.4. | Có triển khai phần mềm quản trị cơ sở giáo dục đại học (cung cấp thông tin: tên giải pháp, tự xây dựng/mua/thuê):<br>- Có triển khai phân hệ quản lý đào tạo (tuyển sinh, đào tạo, cấp bằng). | 50          | Tối đa 15 điểm. | 15                  | Mức độ 2  | - Có triển khai phân hệ quản lý đào tạo (TS, đào tạo, Cấp bằng)<br>Đường link:<br><a href="http://daotao.blu.edu.vn/">http://daotao.blu.edu.vn/</a><br><br>Hệ thống mua từ Trung tâm Công nghệ phần mềm Trường Đại học Cần Thơ gồm 10 phân hệ | Minh chứng 2.4. Quan ly tai chinh Misa |
|      | - Có triển khai phân hệ quản lý nhân sự   |             | Tối đa 5 điểm.  | 2                   | Thực hiện cập nhật trên hệ thống<br><a href="https://baclieu.vnerp.vn/web/login">https://baclieu.vnerp.vn/web/login</a> |   |  |
|      | - Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất, tài sản.  |             | Tối đa 5 điểm.  | 5                   | <a href="https://qltsc.mof.gov.vn/AppWork/Index">https://qltsc.mof.gov.vn/AppWork/Index</a>                             |   |  |
|      | - Có triển khai phân hệ quản lý tài chính.  |             | Tối đa 5 điểm.  | 5                   | Sử dụng phần mềm Misa có file hình ảnh phần mềm   |   |  |
|      | - Có triển khai phân hệ quản lý nghiên cứu khoa học.  |             | Tối đa 5 điểm.  | 5                   | <a href="https://qlkh.blu.edu.vn/">https://qlkh.blu.edu.vn/</a>   |   |  |
|      | - Có triển khai văn phòng điện tử (văn bản điện tử, hồ sơ công việc, chữ ký số,...).  |             | Tối đa 5 điểm.  | 5                   | <a href="https://qlvb.baclieu.gov.vn/qlvbdh/main">https://qlvb.baclieu.gov.vn/qlvbdh/main</a>                           |   |  |
|      | - Tuân thủ quy định kỹ thuật về dữ liệu của hệ thống cơ sở dữ liệu ngành về giáo dục đại học; kết nối và trao đổi   |             | Tối đa 10 điểm. | 5                   | Hoàn thành cập nhật cơ sở dữ liệu và báo cáo theo yêu cầu trên hệ thống Hemis. Do cơ sở dữ liệu tại                     |   |  |

| STT  | Tiêu chí  | Điểm tối đa | Điểm thành phần | Đơn vị tự chấm điểm | Mức độ đạt được | Minh chứng  | Ghi chú, |
|------|---|-------------|-----------------|---------------------|-----------------|---|----------|
|      | đầy đủ dữ liệu với cơ sở dữ liệu giáo dục đại học HEMIS (do Bộ quản lý).  |             |                 |                     |                 | trường rời rạc nên việc cập nhật trên hệ thống Hemis chủ yếu thủ công.  |          |
| 2.5. | Triển khai các dịch vụ trực tuyến:<br>- Có Cổng thông tin điện tử đáp ứng cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định (Thông tư số 15/2018/TT-BGDĐT ngày 27/7/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và trang thông tin điện tử của các cơ sở giáo dục đại học, các trường cao đẳng sư phạm).                                | 30          | Tối đa 4 điểm.  | 4                   | Mức độ 2        | Triển khai thực hiện cổng thông tin điện tử trường<br><a href="https://blu.edu.vn/">https://blu.edu.vn/</a>   |          |
|      | - Có triển khai ứng dụng kết nối giữa sinh viên và nhà trường (Thông tin: Qua OTT - Over The Top).  |             | Tối đa 4 điểm.  | 2                   |                 | Thực hiện kết nối sinh viên qua Fanpage, Group Zalo, E-Mail   |          |
|      | - Có triển khai các dịch vụ phục vụ người học (Tuyển sinh online, đăng ký học tín chỉ, đăng ký và báo cáo kết quả thực tập, tra cứu thông tin và kết quả học tập, các dịch vụ liên quan đến xác nhận của cơ sở giáo dục đại học, đóng học phí, dịch vụ liên quan đến thư viện, dịch vụ liên quan đến ký túc xá, văn bằng chứng chỉ, sinh viên sau tốt nghiệp...). |             | Tối đa 6 điểm.  | 6                   |                 | Trung tâm THNN có hệ thống tra cứu thông tin kết quả thi<br>chứng chỉ ứng dụng CNTT:<br><a href="https://thnn.blu.edu.vn/xem-diem/">https://thnn.blu.edu.vn/xem-diem/</a><br><br>Tra cứu kết quả đào tạo chính quy, sinh viên có thể sử dụng tài khoản đăng nhập hệ thống đào tạo |          |



| STT | Tiêu chí   | Điểm tối đa | Điểm thành phần | Đơn vị tự chấm điểm | Mức độ đạt được | Minh chứng  | Ghi chú,              |
|-----|--|-------------|-----------------|---------------------|-----------------|---|-----------------------|
|     |  |             |                 |                     |                 | <a href="http://daotao.blu.edu.vn/">http://daotao.blu.edu.vn/</a>   |                       |
|     | - Có triển khai các dịch vụ phục vụ giảng viên, nhân viên, cán bộ quản lý (Đăng ký lịch công tác, đăng ký nghỉ phép, xác nhận hồ sơ...).   |             | Tối đa 6 điểm.  | 0                   |                 | Do quy mô nhỏ vì vậy giảng viên, cán bộ quản lý báo cáo lịch công tác, nghỉ phép chủ yếu sử dụng Zalo, đơn nghỉ phép trình lãnh đạo ký trực tiếp.   |                       |
|     | - Có triển khai dịch vụ hỗ trợ nghiên cứu khoa học: (Đăng ký, xét duyệt, phê duyệt đề tài; đăng ký kế hoạch nghiên cứu, sinh hoạt khoa học, hội nghị, hội thảo; quản lý thông tin đề tài nghiên cứu khoa học, lý lịch khoa học, các công bố công trình nghiên cứu khoa học; chuyển giao kết quả nghiên cứu và hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo). |             | Tối đa 5 điểm.  | 5                   |                 | <a href="https://qlkh.blu.edu.vn/">https://qlkh.blu.edu.vn/</a>   |                       |
|     | - Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt.   |             | Tối đa 5 điểm.  | 5                   |                 | Thu học phí:<br><a href="https://ocb-blu.systems.vn/adcp/login">https://ocb-blu.systems.vn/adcp/login</a><br>Các văn bản: Phương Án ủy nhiệm thu tại ngân hàng (số 337/PA-ĐHBL ngày 23/5/2023). Thu qua tài khoản ngân hàng OCB | Minh chứng 2.5.337... |
| 2.6 | Hạ tầng kỹ thuật CNTT phục vụ quản trị, điều hành:   | 20          | Tối đa 6 điểm.  | 3                   | Mức độ 2        | Hệ thống công nghệ thông tin triển khai tương đối đầy đủ. Tuy nhiên còn rời rạc (do điều kiện Nhà   |                       |

| STT | Tiêu chí  | Điểm tối đa | Điểm thành phần | Đơn vị tự chấm điểm | Mức độ đạt được | Minh chứng  | Ghi chú, |
|-----|---|-------------|-----------------|---------------------|-----------------|---|----------|
|     | - Triển khai phương án tổng thể đảm bảo tính kế thừa, khả năng kết nối, tích hợp, chia sẻ và liên thông và dùng chung dữ liệu giữa các hệ thống thông tin trong cơ sở giáo dục đại học (Các hệ thống kết nối dữ liệu qua LGSP; dữ liệu tích hợp trong Kho dữ liệu lớn; tài khoản đăng nhập một lần - SSO, ...). |             |                 |                     |                 | trường nên việc đầu tư chưa được đồng bộ). Vì vậy việc kế thừa, chia sẻ và liên thông dùng chung dữ liệu gặp khó khăn           |          |
|     | - Triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn các hệ thống thông tin theo cấp độ.  |             | Tối đa 10 điểm. | 4                   |                 | Các hệ thống thực hiện thuê đơn vị cung cấp.  |          |
|     | - Cung cấp truy cập Internet miễn phí cho sinh viên và giảng viên.  |             | Tối đa 4 điểm.  | 3                   |                 | Nhà trường thực hiện thuê 05 đường truyền ADSL phục vụ cho công tác điều hành, quản lý và đào tạo. Cơ bản đáp ứng được yêu cầu. |          |

Quét mã QR-Code để xem, tải các minh chứng



## KẾT QUẢ TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHÍ

| Tiêu chí   | Điểm tự đánh giá | Mức độ tự đánh giá    | Ghi chú           |
|--|------------------|-----------------------|-------------------|
| <b>I. Chuyên đổi số trong đào tạo</b>                          | <b>53/100</b>    | <b>Đáp ứng cơ bản</b> |                   |
| Tiêu chí 1.1   |                  | Đạt                   | Tiêu chí bắt buộc |
| Tiêu chí 1.2   |                  | Đạt                   | Tiêu chí bắt buộc |
| Tiêu chí 1.3   | 13/20            | Mức độ 2              |                   |
| Tiêu chí 1.4   | 4/20             | Mức độ 1              |                   |
| Tiêu chí 1.5   | 12/20            | Mức độ 2              |                   |
| Tiêu chí 1.6   | 13/20            | Mức độ 2              |                   |
| Tiêu chí 1.7   | 7/10             | Mức độ 2              |                   |
| Tiêu chí 1.8   | 4/10             | Mức độ 1              |                   |
| <b>II. Chuyên đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục đại học</b> | <b>69/100</b>    | <b>Đáp ứng cơ bản</b> |                   |
| Tiêu chí 2.1   |                  | Đạt                   | Tiêu chí bắt buộc |
| Tiêu chí 2.2   |                  | Đạt                   | Tiêu chí bắt buộc |
| Tiêu chí 2.3   |                  | Đạt                   | Tiêu chí bắt buộc |
| Tiêu chí 2.4   | 37/50            | Mức độ 2              |                   |
| Tiêu chí 2.5   | 22/30            | Mức độ 2              |                   |
| Tiêu chí 2.6   | 10/20            | Mức độ 2              |                   |



## 2. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT (NẾU CÓ)

Qua quá trình thực hiện tự đánh giá thực hiện chuyển đổi số theo các tiêu chí được quy định theo Quyết định số 4740/QĐ-BGDĐT. Trường Đại học Bạc Liêu tiếp tục đẩy nhanh dự án chuyển đổi số đã được UBND Tỉnh phê duyệt đầu tư để từng bước nâng cao chỉ số về chuyển đổi số. Do đó, Trường Đại học Bạc Liêu không có đề xuất, kiến nghị.

Nơi nhận:

- Cục Công nghệ thông tin, Bộ GDĐT;
- Lưu: VT.



**Phan Văn Đàn**